TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tâm và ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh P tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019 /TLST- DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02A/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện L, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Ông Nguyễn Đức H - Luật sư - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu T, phường T, thành phố V, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1987. (Chị H đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện L, tỉnh P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Thạch Q, sinh năm 1962. (Anh Q đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện L, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 04/4/2017 chị Vũ Thị Thu H có vay của chị Nguyễn Thị H số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Khi vay chị Vũ Thị Thu H có viết giấy biên nhận. Hai bên thống nhất thỏa thuận lãi suất miệng theo lãi suất của ngân hàng là 0.83%/tháng. Từ ngày vay đến nay chị Vũ Thị Thu H chưa trả gốc và lãi cho chị lần nào. Chị Vũ Thị Thu H hẹn hết lần này đến lần khác nhưng đến nay vẫn không trả. Nay chị đề nghị Tòa án buộc chị Vũ Thị Thu H trả toàn bộ tiền gốc là 60.000.000đ và tiền lãi theo qui định là 0.83%/tháng tính từ ngày vay đến nay.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị Hiền: Ông Nguyễn Đức H trình bày:

Ông giữ nguyên quan điểm như chị Nguyễn Thị H đã trình bày tại đơn khởi kiện và các lời khai. Nay ông H đề nghị Tòa án nhân dân huyện L buộc chị Vũ Thị Thu H trả cho chị Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền gốc là 60.000.000đ và tiền lãi theo qui định là 0,83%/tháng tính từ ngày vay đến nay.

Ý kiến của bị đơn: Tại các lời khai chị Vũ Thị Thu H trình bày:

Do có biết chị Nguyễn Thị H nên ngày 04/04/2017 chị Vũ Thị Thu H có đến nhà chị Nguyễn Thị H để vay số tiền là 60.000.000đ (lần 1 vay 40.000.000đ và lần 2 vay 20.000.000đ), khi vay chị Nguyễn Thi H có hướng dẫn chị H viết giấy vay tiền. Một thời gian sau chị H lại gọi chị ra và hướng dẫn lại là viết giấy xin việc cho cháu bà H là Nguyễn Đức H, địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện L, tỉnh P. Thời gian sau chị H lại gọi chị đến nhà viết lại giấy lần nữa là nhờ mua xe SH với số tiền 60.000.000đ. Sau mỗi lần viết giấy vay tiền và cam kết giữa hai người có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2.000đ/ triệu/ngày, hàng tháng chị phải trả tiền lãi cho chị H là 3.600.000đ/tháng. Trong năm 2017 đến tháng 8/2018 chị đã thanh toán tiền lãi cho chị H đầy đủ và mỗi lần trả lãi chị và chị Nguyễn Thị H không ghi giấy tờ gì, chị H chỉ viết vào sổ của chị H nên chị không cung cấp được cho tòa án. Nay chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền gốc là 60.000.000đ và tiền lãi là 0,83%/tháng từ ngày vay đến nay. Chị Vũ Thị Thu H nhất trí trả số tiền gốc 60.000.000đ, nhưng hiện nay chị đang khó khăn nên chưa trả được, chị đến nhà chị H khất nợ và xin được trả dần nhưng chị H không đồng ý, chị đề nghị năm 2020 chị sẽ cố gắng thu xếp trả dần. Nếu chị Nguyễn Thị H không đồng ý thì chị đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật. Đối với số tiền lãi chị đã trả lãi nhiều lần rồi nên chị không đồng ý trả lãi cho chị Nguyễn Thị H nữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại biên bản lời khai anh Trần Thạch Q trình bày:

Việc chị Vũ Thị Thu H có nhận 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) từ anh chị H Q như trong giấy biên nhận viết tay là nhận tiền của chị Nguyễn Thị H, anh Q không biết việc giao nhận này. Anh Q xác định số tiền này không phải là số tiền chung của hai vợ chồng anh, mà là tiền riêng của chị Nguyễn Thị H vợ anh. Do anh xác định đây là số tiền riêng của chị H, chị H cho chị Vũ Thị Thu H vay và anh không liên quan gì đến số tiền này nên anh Q không có đề nghị gì. Tại đơn đề nghị ngày 13/11/2017 anh Q xác định số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L là tiền riêng của chị H không liên quan đến anh, nếu trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp thì anh đề nghị trả lại cho chị Nguyễn Thị H. Anh đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc chị Vũ Thị Thu H phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi theo qui định của pháp luật.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Vũ Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Vũ Thị Thu H phải trả cho chị số tiền gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày vay đến nay với lãi suất là 0.83%./tháng. Do đó xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và bị đơn có địa chỉ tại khu 4, xã T, huyện L, tỉnh P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn, chị Vũ Thị Thu H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thấy rằng:

Về nội dung hợp đồng: Chị Nguyễn Thị H và chị Vũ Thị Thu H đều thừa nhận ngày 04/4/2017 có thực hiện việc giao nhận số tiền 60.000.000đ, thực chất là chị Nguyễn Thị H cho chị Vũ Thị Thu H vay số tiền 60.000.000đ thể hiện tại "giấy biên nhận" bản gốc do chị Nguyễn Thị H cung cấp, nhưng do chị Nguyễn Thị H bảo chị Vũ Thị Thu H viết là giấy biên nhận với nội dung " ... Hôm nay ngày 04/4/2017 vợ chồng anh chị H Q có nhu cầu mua được chiếc xe SH 150ic đời 2017 màu sơn đỏ đen. Tôi có con bạn bán chiếc xe đó đời 2017 tôi có cầm số tiền anh chị H Q 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng chẵn) để đi mua hộ cho anh chị.... Hẹn 10 ngày sau tôi sẽ lấy xe về cho anh chị.....". Chị Nguyễn Thị H và chị Vũ Thị Thu H đều xác định không có việc mua xe hộ như trong giấy biên nhận, việc viết giấy biên nhận là do chị Nguyễn Thị H bảo chị Vũ Thị Thu H viết để có trách nhiệm trả nợ cho chị H. Quá trình giải quyết vụ án anh Q là chồng của chị Nguyễn Thị H xác định anh Q không biết việc giao nhận số tiền này. Anh Q xác định số tiền chị Nguyễn Thị H cho chị Vũ Thị Thu H vay là tiền riêng của chị Nguyễn Thị H và anh không liên quan gì đến số tiền này nên anh không có đề nghị gì. Chị Vũ Thị Thu H và chị Nguyễn Thị H cũng xác định việc vay nợ không liên quan đến anh Q. Nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu chị Vũ Thị Thu H trả toàn bộ số tiền gốc 60.000.000đ, chị Vũ Thị Thu H nhất trí trả toàn bộ số tiền gốc nhưng xin được trả dần. Hội đồng xét xử xét thấy sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, buộc chị Vũ Thị Thu H phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền gốc là 60.000.000đ.

Về lãi suất vay: Trong giấy biên nhận ngày 04/4/2019 được lập giữa chị Nguyễn Thị H và chị Vũ Thị Thu H không thể hiện lãi suất vay giữa các bên. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và các lời khai chị Nguyễn Thị H đều xác định khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 0,83%/tháng. Chị Vũ Thị Thu H có ý kiến giữa chị và chị Nguyễn Thị H khi vay có thỏa thuận lãi suất là 2.000đ/1 triệu/ngày, hàng tháng chị Vũ Thị Thu H phải trả lãi 3.600.000đ/01 tháng, và chị đã trả tiền lãi từ ngày vay đến tháng 8/2018. Chị Nguyễn Thị H xác định từ ngày vay đến khi nay chị Vũ Thị Thu H không trả tiền lãi và tiền gốc cho chị nay chị H và người đại diên theo ủy qyền của chị H yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên từ ngày vay đến nay theo qui định là 0,83%/ tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu chị Vũ Thị Thu H cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc trả số tiền lãi cho nguyên đơn. Tuy nhiên, chị Vũ Thị Thu H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ gì vì vậy không có căn cứ để chấp nhận việc trả lãi của chị Vũ Thị Thu H. Hội đồng xét xử xét thấy các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không xác định lãi suất thỏa thuận nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất là phù hợp. Thời điểm tính lãi đối với số tiền 60.000.000đ từ ngày 04/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/12/2019 là 32 tháng 27 ngày. Cụ thể: (60.000.000đ x 0,83%) x 32 tháng 27 ngày = 16.384.200đ (Mười sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

Về thời hạn và phương thức thanh toán: Chị Vũ Thị Thu H đề nghị được trả dần số tiền trên nhưng chị Nguyễn Thị H không đồng ý cho chị Vũ Thị Thu H trả dần, vì vậy khi án có hiệu lực pháp luật chị Vũ Thị Thu H phải có trách nhiệm trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho chị Nguyễn Thị H là phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H được chấp nhận nên chị Hiền không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Vũ Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc chị Vũ Thị Thu H phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 16.384.200đ (Mười sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là: 76.384.200đ (Bảy mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm đồng). Trả làm một lần kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc chị Vũ Thị Thu H phải chịu 3.819.000đ (Ba triệu tám trăm mười chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.960.000đ (Một triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/201870000407 ngày 17/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh P.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS Lâm Thao
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Việt Giang